

Hcm - City 16 - 6 - 90.

Kính gửi Chị Khúc Minh Thỏ,

Hôm nay em gửi về Chị sổ hộ - sổ này em
kính mong Chị giúp đỡ và cùng thiếp, cho
trường hợp của em đã được chính phủ Việt Nam
cho phép Xuất Cảnh sang Hoa Kỳ.
Em kính nhờ Chị giúp đỡ để tình trạng của
em được vào phòng ODP diện HO của Xét và
lên danh sách để gia - quyền của em sớm
được gặp phôi đốm Mỹ phòng Văn Sơn.

Hồ - sơ gồm có:

- 1 Bloc, hồ - sơ bảo lãnh của Anh Lê Văn
phạm gồm 6 tờ,
- 6 Khẩu Sinh có dán ảnh,
- 1 hôn thú,
- 1 hồ Khẩu,
- 4 photo chứng minh nhân dân,
- 1 phiếu báo tin,
- 10 tờ thi Thư Xuất Cảnh.

Em kính nhờ Hồ cửu tu nhân Việt Nam mà
Chị là - Chị có thể giúp đỡ cho gia quyền của em
sớm được gặp phôi đốm Mỹ phòng Văn Sơn và cùng nhờ
Hồ và Chị giúp cho em cùng gia quyền sớm được
vào thăm Việt Nam.

Kính thư

[Signature]

Nguyễn Vĩnh Dân.

Myzium Phosory

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chuyển đến ở : _____

Chuyển đến ở : _____

Từ ngày _____ tháng _____ năm 19 _____
(Ký tên và đóng dấu)

Từ ngày _____ tháng _____ năm 19 _____
(Ký tên và đóng dấu)

Chuyển đến ở : _____

Chuyển đến ở : _____

Từ ngày _____ tháng _____ năm 19 _____
(Ký tên và đóng dấu)

Từ ngày _____ tháng _____ năm 19 _____
(Ký tên và đóng dấu)

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu số NK 4

GIẤY CHỨNG NHẬN

HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

Số : 176 /CN

Họ và tên chủ hộ : HUYNH VINH ĐAU

Số nhà : 0575/c Tò, O : _____

Ấp : Tân Mỹ

Xã : Tân Hải

Huyện : Tân Uyên

Tỉnh : SÔNG BÈ

Ngày _____ tháng _____ năm 19 _____

KT. TRƯỞNG CÔNG AN HUYỆN TÂN UYÊN
PHÓ CÔNG AN HUYỆN



[Handwritten signature]

137

NHÂN KHẨU THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

Số T.T	HỌ VÀ TÊN	Quan hệ với chủ hộ	NĂM SINH		Dân tộc	Tôn giáo	Số CMND	Nghề nghiệp nơi làm việc	Ngày tháng năm đăng ký thường trú	CHUYỂN ĐI		Ký tên đóng dấu của công an
			Nam	Nữ						Đi đâu	Ngày về	
1	Huỳnh Văn Hải	Chồng	1940		Kinh	Khổng	280822849	Cán bộ	17/6/83			
2	Trần Thị Huệ	Vợ		1950	-	-	28021466	Thợ may	17/6/83			
3	Huỳnh Trung Hải	Con	1972		-	-		Thợ may	-			
4	Huỳnh Văn Hải	-	1974		-	-			-			
5	Huỳnh Thành Tín	-	1976		-	-			-			
6	Huỳnh Thị Ngọc Thảo	-		1981	-	-			-			
7	Nguyễn Văn Cảnh	Mẹ		1927	-	-		già	15/6/89			



VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH: BIÊN-HÒA

QUẬN: TÂN-UYÊN

XÃ: TÂN-BA

MIỄN PHÍ

TRÍCH - LỤC

CHỨNG - THƯ HÔN - THỰ

Số hiệu: 04

*

Tên, họ người chồng HUỖN-VĨNH-DẬU

nghề-nghiep Quân-Nhân

sinh ngày Một tháng Sáu năm Một ngàn chín trăm bốn /mười.

tại An-Thành Xã (Biên-Hòa)

cur-sở tại Tân-Bà

tạm-trú tại KBC. 6732

Tên họ cha chồng Huỳnh-Bồn (chết)

(Sống chết phải ghi rõ)

Tên, họ mẹ chồng Lê-thị-Trà (sống) 71 tuổi

(Sống chết phải ghi rõ)

Tên, họ người vợ Trần-thị-Huê

nghề-nghiep Nội-trợ

sinh ngày Hai mươi tháng Tám năm Một ngàn chín trăm năm /mười.

tại Đường Nancy (Sài-Gòn)

cur-sở tại Tân-Bà

tạm-trú tại Tân-Bà

Tên, họ cha vợ Trần-văn-Hoa (sống) 50 tuổi

(Sống chết phải ghi rõ)

Tên, họ mẹ vợ Nguyễn-thị-Cảnh (sống) 45 tuổi

(Sống chết phải ghi rõ)

— Ngày cưới Mùng tám tháng tư, Năm một ngàn chín trăm bảy /mười hai.

— Vợ chồng khai có hay không lập hôn-khê /

ngày / tháng / năm /

tại /

Số Hôn-Thủ năm:

Trích y bản chánh 1972. Tờ số: 04

Tân-Bà, ngày 19 tháng 04 năm 1972

VIÊN CHỨC HỘ TỊCH,



NGUYỄN-VĂN-TROT

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
République du Viêt-Nam

BỘ TƯ PHÁP
Département de la Justice

SỞ TƯ PHÁP NAM-PHẦN
Service Judiciaire du Sud-Viêt-nam

PHÒNG LỤC-SỰ TÒA BIÊN HOÀ
(GREFFE DU TRIBUNAL DE BIÊN HOÀ)

LMT/2B
2717/TPLL

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH Làng An-Thành xã
(Extrait du registre des actes de naissance)
Tỉnh Biên-Hòa (NAM-PHẦN)
(Sud-Viêt-nam)

NĂM 1940
(Année)

SỐ HIỆU 20
(Acte, No)

Tên, họ đứa con nít. (Nom et prénom de l'enfant)	Huỳnh-vĩnh-Dậu
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	Nam
Sanh ngày nào (Date de naissance)	Le 1 Juin 1940
Sanh tại chỗ nào. (Lieu de naissance)	X An-Thành xã
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	Huỳnh-Bôn
Cha làm nghề gì (Sa profession)	Buôn bán
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	An-Thành xã
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	Le-thị-Trà
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	Buôn bán
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	An-Thành xã
Vợ chánh hay vợ thứ (Son rang de femme mariée)	vợ chánh

Chúng tôi, Ngô-Phượng-Tướng
(Nous)

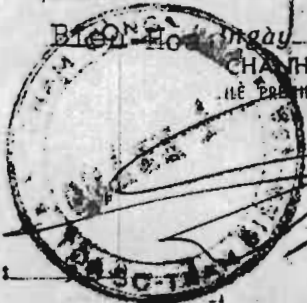
Chánh-án Tòa Sơ-Thẩm Biên-Hòa
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông Trương-văn-Thịnh
(M.)

Chánh Lục-Sự Tòa-án sở tại.
(Greffier en chef dudit tribunal.)

Biên-Hòa, ngày 2/10/1964



Trích y bản chánh,
(Pour extrait conforme)

Biên-Hòa, ngày 2/10/1964

CHÁNH LỤC-SỰ,
(LE GREFFIER EN CHEF.)

Nhận bởi bộ một chữ./.



Giá tiền :
(Coût)
Biên-lai số :
(Quittance n°)

Bản số: 8849

HỘ - TỊCH

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Năm một ngàn chín trăm năm mươi (1950)



Tên, họ đứa nhỏ	Trần thị Huệ
Phái	con gái
Ngày sanh	ngày hai mươi tháng tám, năm một ngàn chín trăm năm mươi, 5g45
Nơi sanh.	3, đường Nancy
Tên, họ người Cha.	Trần văn Hoa khai nhin đứa nhỏ là con
Nghề-nghiệp.	thợ điện
Nơi cư-ngụ	đường Khang chiến
Tên, họ người Mẹ	Nguyễn thị Cảnh
Nghề-nghiệp	buôn bán
Nơi cư-ngụ	đường Khang chiến
Vợ chánh hay thứ	/

TRÍCH-LỤC Y BỒN CHÁNH: H.6

Saigon, ngày 24 tháng I năm 1972

T.Ư.N. ĐÓ-TRƯỞNG SAIGON
CHỦ-SỰ PHÒNG HỘ-TỊCH

KHUẾ-THI-VI

KHAİ SANH

Số liệu 78



TRÍCH-Y

ô sanh năm 1972
 ở số : 78
 Tân-Bà, ngày 06-07-1972

ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH

ỦY BAN
 HÀNH CHÁNH
 TÂN-BÀ
 NGUYỄN-VĂN-TRỐT

Tên, họ ấu-nhi: HUYNH-TRUNG-HẬUPhái: NamSanh: Ngày hai mươi lăm tháng sáu, năm một ngàn chín t:
(Ngày, tháng, năm)Tại: Tân-Bà (Biển-Hòa) /trăm bảy mươi haiCha: Huynh-Vinh-Dầu
(Tên, họ)Tuổi: Ba mươi haiNghề - nghiệp: Quân-NhânCư-trú tại: Tân-BàMẹ: Trần-thị-Huệ
(Tên, họ)Tuổi: Hai mươi haiNghề - nghiệp: Hội-trợCư-trú tại: Tân-BàVợ: Chánh-do Hôn-Thái số: 04 năm 1972 tại Tân-BàNgười khai: Huynh-Vinh-Dầu
(Tên, họ)Tuổi: Ba mươi haiNghề-nghiệp: Quân-NhânCư-trú tại: Tân-BàNgày khai: Một tháng bảy, năm một ngàn chín trăm bảyNgười chứng thứ nhất: Nguyễn-Ngọc-Điệp /mười hai.
(Tên, họ)Tuổi: Ba mươi lămNghề - nghiệp: Cô-đóCư - trú tại: Tân-BàNgười chứng thứ nhì: Huynh-văn-Cật
(Tên, họ)Tuổi: Ba mươi baNghề - nghiệp: Quân-NhânCư - trú tại: Tân-BàLâm tại TÂN-BÀ, ngày 01 tháng 07 năm 1972

Người khai,

Hội-lại,

Nhân-chứng,

(Ký-tên)

(Ký-tên)

(Ký-tên)

HUYNH-VINH-DẦU NGUYỄN-VĂN-TRỐT 1)-NGUYỄN-NGỌC-DIỆP
 2)-HUYNH-VĂN-CẬT

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH BIÊN-HÒA

Quận TÂN-TRUNG

Xã TÂN-BA

Số hiệu 06



TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Lập ngày 19 tháng 01 năm 1974

Tên họ đứa trẻ : Nguyễn-Văn-Việt
Con trai hay con gái : nam
Ngày sanh : ngày mười bảy tháng một năm một nghìn chín trăm bảy mươi bốn.
Nơi sanh : xã Tân-Bà (Biên-Hòa)
Tên họ người cha : Nguyễn-Văn-Bôn
Tên họ người mẹ : Trần-Thị-Hùng
Vợ chánh hay không có chồng : Đã có hôn thú số: 01 tại Tân-Bà
hôn thú
Tên họ người đứng khai : Nguyễn-Thị-Cầm / sđ: 111.

TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÍNH

ngày 09 tháng 03 năm 1974
X. TRƯỞNG KIỂM VIÊN-CHỨC HỘ-TỊCH

Trần-Trích-Cường

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Mã

Xã, Thị trấn ~~PHÁT HÒA~~
Thị xã, Quận ~~TÂN UYÊN~~
Thành phố, Tỉnh ~~SÔNG BÈ~~
☆

BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH

Số 759
Quyển số 01



--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Họ và Tên	HUYNH THANH TIN		Nam, ☒ Nữ
Sinh ngày tháng năm	Ngày mười bảy tháng một năm một ngàn chín trăm bảy mươi sáu (17-01-1976)		
Nơi sinh	Xã Thái Hòa, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Sông Bè		
Khai về cha mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	HUYNH VINH DẬU 1940	TRẦN THỊ HUỆ 1950	
Dân tộc	KINH	KINH	
Quốc tịch	VIỆT NAM	VIỆT NAM	
Nghề nghiệp	Làm Rẫy	Thợ May	
Nơi ĐKNK thường trú	Ấp Tân Mỹ, Xã Thái Hòa, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Sông Bè		
Họ, tên tuổi nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	TRẦN THỊ HUỆ, Sinh năm 1950, ngụ tại Ấp Tân Mỹ, Xã Thái Hòa, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Sông Bè CMND số : 280271466		

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 26 tháng 01 năm 1980
TM. UBND Thái Hòa - ký tên đóng dấu

Đã ký, ngày 26 tháng 01 năm 1980
(ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)



Châu Văn Kiem

TM. U.B.N.D. XÃ

Chủ tịch

Đã ký

NGUYỄN THỊ HÙNG



NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu HT3/P3

Độc Lập -- Tự Do -- Hạnh Phúc

Thái Hòa

Tân-Úyên

Xã Sông Bè

☆

BẢN SAO

GIẤY KHAI SINH

Số 1149/KS

Quyển số 01

Họ và Tên	HUỲNH-THỊ-NGỌC-CHẢO		Nam, Nữ NỮ
Sinh ngày tháng năm	(13-11-1981) Ngày mười ba tháng mười một, năm một ngàn chín trăm tám mươi một		
Nơi sinh	Xã Thái-Hòa Tân-Úyên Sông Bè		
Khai về cha mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	HUỲNH-VĨNH-DẬU 1940	TRẦN-THỊ-HUỆ 1950	
Dân tộc	Kinh	Kinh	
Quốc tịch	Việt-Nam	Việt-Nam	
Nghề nghiệp	Làm rẫy	Buôn bán	
Nơi ĐKNK thường trú	Ấp Tân-Mỹ Xã Thái-Hòa, Tân-Mỹ Xã Thái-Hòa Huỳnh-Vĩnh-Dậu 1940 Ấp Tân-Mỹ Xã Thái-Hòa Tân-Úyên Sông-Bè, CMND 06 280322849		
Họ, tên tuổi nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai			

NHẬN THỰC SẠO Y BẢN CHÍNH

Ngày 16 tháng 8 năm 1981

TM. UBND xã Thái Hòa ký tên đóng dấu

Đang ký, ngày 5 tháng 01 năm 1982

(ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)

CHỦ-TỊCH

(Ký tên và đóng dấu)

NGUYỄN-THỊ-HÙNG



Châu Văn Kim

Speed Letter.

To ORDERLY DEPARTURE PROGRAM (ODP)
Box 58
AMERICAN EMBASSY
APO San Francisco 96346

From MINH TRAN
728 W. Summit Ave.
Fergus Falls, MN 56537
Tel. : (218) 739-2756

Subject HUYNH VINH DAU (6) /RE-EDUCATION CASE

No. 9 & 10 FOLD
MESSAGE

Please note LIRS interest in the above case. Affidavit of Relationship and supporting

documents are enclosed. Cousin in the U.S. : LE VAN NHANH

728 W. Summit Ave.

Fergus Falls, MN 56537

Tel. : (218) 739-2756

Date Dec 11/1988 Signed MINH TRAN

REPLY

No. 9 FOLD

No. 10 FOLD

Date

Signed

Wilson Jones Company
GRAYLINE FORMS 00-1004 - 4 PART
© 1985 - PRINTED IN U.S.A.

SENDER--DETACH AND RETAIN YELLOW COPY. SEND WHITE AND PINK COPIES WITH CARBON INTACT

**ORDINARY DEPARTURE PROGRAM
AFFIDAVIT OF RELATIONSHIP**
to be completed by relative/friend in USA

I

YOUR NAME LE VAN NHANH YOUR ALIEN STATUS IS:
 DATE OF BIRTH 01-16-25 U.S. CITIZEN ☒ Number: 11863503
 PLACE OF BIRTH SAIGON, VIETNAM PERMANENT RESIDENT ☐ At _____
 ADDRESS IN USA _____ REFUGEE ☐ At _____
 _____ DATE OF ENTRY INTO USA mo. day year
56537 .07 / 26 / 1975
 FROM WHICH COUNTRY? Fort Chaffee, Arkansas
 TELEPHONE NO. (HOME) (_____) VOLUNTARY AGENCY WITH WHICH YOU ARE NOW
 (WORK) (_____) IN CONTACT LUTHERAN IMMIGRATION & REFUGEE SERVICE

II**INFORMATION ON APPLICANTS IN VIETNAM**

Important:

* The Principal Applicant (P.A.) is your closest relative to be considered for US entry.

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (P.A.) HUYNH VINH DAU
 ADDRESS IN VIETNAM 575C Tan-My Hamlet, Thai-Hoa Village, Tan-Uyen District, Song-Be Province
 HAVE YOU FILED IMMIGRANT VISA PETITIONS? No CATEGORY? None
 DATE AND PLACE OF FILING NOT APPLICABLE
 DOES P.A. HAVE VIETNAMESE EXIT PERMIT? YES _____ NO X NUMBER? No
 I AM THE: HUSBAND ☐ WIFE ☐ PARENT ☐ CHILD ☐ BROTHER ☐ SISTER ☐
 OTHER COUSIN OF THE PRINCIPAL APPLICANT.
 (Specify)

List below the persons to be considered for admission to the United States. In the column MS (marital status) indicate married (M), divorced (D), widowed (W), or single (S).

NAME In Vietnamese Order	DATE OF BIRTH mo/da/yr	PLACE OF BIRTH	SEX	MS	RELATION TO P.A.	ADDRESS
1. HUYNH VINH DAU	06/01/40	An-Thanh, Bien-Hoa	M	M	Principal Applicant	575C Tan-My Hamlet Thai-Hoa Village Tan-Uyen District Song-Be Province Vietnam
2. TRAN THI HUE	08/20/50	Saigon	F	M	Wife	
3. HUYNH TRUNG HAU	06/25/72	An-Thanh Bien-Hoa	M	S	Son	
4. HUYNH VINH HIEP	01/17/74	Tan-Ba Bien-Hoa	M	S	Son	
5. HUYNH THANH TIN	01/17/76	Thai-Hoa Tan-Uyen Song-Be	M	S	Son	
6. HUYNH THI NGOC-THAO	11/13/81	Same	F	S	Daughter	
7.	/ /					
8.	/ /					
9.	/ /					
10.	/ /					
11.	/ /					
12.	/ /					
13.	/ /					
14.	/ /					

THIS FORM IS FREE; IT MAY BE REPRODUCED BY ANYONE.

The information below relates to you, the USA relative.

List all of your relatives requested below even if they are already listed on Page 1. Please include relatives who are already in the USA or other countries as well as those in Vietnam. We must establish your entire family. (If there is not enough room, continue on separate sheet.)

NAME	SEX (circle one)	DATE OF BIRTH mo/day/yr	COUNTRY OF BIRTH	MARRIED? (circle one)	LIVING/DEAD?	ADDRESS
A. Your husband/wife						
DOAN THI HON	M/F	02-04-23	VIETNAM	Yes/No	Living	
B. Your other husbands/wives						
NONE	M/F			Yes/No		
	M/F			Yes/No		
C. Your children						
Le Thi Thu Cuc	M/F	02-14-56	VIETNAM	Yes/No	LIVING	
Le Thi Thu Hoa	M/F	07-20-57	VIETNAM	Yes/No	LIVING	
Le Van Tram	M/F	1948	VIETNAM	Yes/No	LIVING	
Le Van Dung	M/F	01-14-60	VIETNAM	Yes/No	LIVING	
Le Van Si	M/F	03-21-62	VIETNAM	Yes/No	LIVING	
Le Van Trung	M/F	04-12-64	VIETNAM	Yes/No	LIVING	
Le Van Hieu	M/F	11-01-65	VIETNAM	Yes/No	LIVING	
Le Van Thao	M/F	06-25-69	VIETNAM	Yes/No	LIVING	
Le Van Anh	M/F	02-07-50	VIETNAM	Yes/No	LIVING	Ho Chi Minh City, VN
Le Van Hung	M/F	04-30-53	VIETNAM	Yes/No	LIVING	
D. Your parents						
Le Van Chanh	M/F	Unknown	VIETNAM	Yes/No	Deceased	N/A
Nguyen Thi Pham	M/F	Unknown	VIETNAM	Yes/No	Deceased	N/A
E. Your brothers/sisters						
Le Van Hai	M/F	03-31-51	VIETNAM	Yes/No	LIVING	
Le Van Tam	M/F	Unknown	VIETNAM	Yes/No	LIVING	Ho Chi Minh City/VN
Le Thi Suong	M/F	Unknown	VIETNAM	Yes/No	LIVING	" "
Le Thi Chan	M/F	Unknown	VIETNAM	Yes/No	LIVING	" "
Le Thi Sen	M/F	Unknown	VIETNAM	Yes/No	LIVING	" "
	M/F			Yes/No		

IV A.

U.S. GOVERNMENT EMPLOYMENT

If the Principal Applicant or any accompanying relative in Vietnam was a U.S. Government employee, please complete this section.

NAME OF EMPLOYEE NOT APPLICABLE

AGENCY: EMBASSY USAID/USOM CORDS USIS USARV/MACV/DAO OTHER

SECTION/DIVISION/OFFICE

LAST POSITION: LAST GRADE:

DURATION OF EMPLOYMENT: FROM TO

PLACE NAME OF LAST SUPERVISOR

REASON FOR SEPARATION

SECTION/DIVISION/OFFICE

PREVIOUS POSITION: PREVIOUS GRADE:

DURATION OF EMPLOYMENT: FROM TO

PLACE NAME OF SUPERVISOR

REASON FOR SEPARATION

IV B.U.S. GOVERNMENT TRAINING OR SCHOOLING IN VIETNAM

Was any training or schooling provided by the U.S. Government for the Principal Applicant or any accompanying relative? YES ☐ NO ☒

FOR: (NAME) NONE

DATE _____ SCHOOL _____ PLACE _____
 FROM _____ TO _____
 FROM _____ TO _____
 DESCRIBE: _____

VPRIVATE EMPLOYMENT

If the Principal Applicant or any accompanying relative worked for a U.S. company or organization, please complete this section.

NAME OF EMPLOYEE NONE
 JOB TITLE _____
 NAME OF COMPANY or ORGANIZATION _____
 SUPERVISOR'S NAME _____
 PLACE _____ FROM _____ TO _____
 JOB DESCRIPTION _____
 EMPLOYEE NUMBER _____ BADGE NUMBER _____ PAYROLL NUMBER _____
 REASON FOR SEPARATION _____

NAME OF PREVIOUS COMPANY or ORGANIZATION _____
 PREVIOUS JOB TITLE _____ SUPERVISOR'S NAME _____
 PLACE _____ FROM _____ TO _____
 JOB DESCRIPTION _____
 EMPLOYEE NUMBER _____ BADGE NUMBER _____ PAYROLL NUMBER _____
 REASON FOR SEPARATION _____

VITRAINING OR SCHOOLING OUTSIDE VIETNAM

If the Principal Applicant or any accompanying relative in Vietnam was trained or educated outside Vietnam, please complete this section.

NAME OF STUDENT/TRAINEE NONE NAME OF SCHOOL _____
 DESCRIPTION OF COURSES _____
 PLACE _____ DEGREE/CERTIFICATE _____
 WHO PAID FOR THE TRAINING? _____
 DURATION OF TRAINING FROM _____ TO _____

NAME OF STUDENT/TRAINEE _____ NAME OF SCHOOL _____
 DESCRIPTION OF COURSES _____
 PLACE _____ DEGREE/CERTIFICATE _____
 WHO PAID FOR THE TRAINING? _____
 DURATION OF TRAINING FROM _____ TO _____

If the Principal Applicant or any accompanying relative worked for the Vietnamese Government or served in the Vietnamese military prior to 1975, please complete this section.

NAME OF PERSON HUYNH VINH DAU Serial number 40/219746
MINISTRY OR MILITARY UNIT 385 Regional Force Bn TITLE OR RANK 2nd Lieutenant/Signal Officer
PLACE Gia-Dinh Province FROM Unknown TO April/1975
JOB DESCRIPTION Bn Signal Officer

LIST ANY AWARDS, COMMENDATIONS, OR MEDALS RECEIVED FROM THE U.S. GOVERNMENT:

INFORMATION NOT AVAILABLE

DID YOUR RELATIVES WORK CLOSELY WITH AMERICANS? YES ☐ NO ☒ IF YES,
PLEASE DESCRIBE: _____

NAMES/RANKS OF ANY AMERICAN ADVISORS _____

VIII

RE-EDUCATION

DID THE PRINCIPAL APPLICANT OR ANY ACCOMPANYING RELATIVE SPEND TIME IN REEDUCATION?
YES ☒ NO ☐

NAME HUYNH VINH DAU DURATION from May/1975 to April 30/1978
NAME _____ DURATION from _____ to _____

IX

REMARKS

Are there any special considerations or comments that would affect your relatives' eligibility?

PLEASE SEE ATTACHED CERTIFICATE OF RELEASE FROM RE-EDUCATION CAMP

IF MORE SPACE IS NECESSARY FOR YOU TO ADD MORE COMPLETE INFORMATION ABOUT ANY OF THE ITEMS REQUESTED ON THIS AFFIDAVIT, PLEASE WRITE THAT INFORMATION ON A SEPARATE SHEET TO BE ATTACHED TO THE AFFIDAVIT. THIS WILL BE NECESSARY IF MORE THAN ONE FAMILY MEMBER WORKED FOR THE U.S. GOVERNMENT, A U.S. COMPANY, OR THE VIETNAMESE GOVERNMENT.

X

NOTARIZATION

I swear that the above information is true. I understand that any false statement could jeopardize my immigration status in the United States.

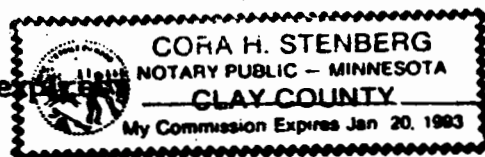
Subscribed and sworn to me

Phanwan Lee
Signature of Applicant

this 12th day of December, 1988

Cora H. Stenberg
Signature of Notary

My commission expires



SEAL OF NOTARY

NOTE: If you are a refugee or Permanent Resident Alien, please attach a copy of your I-94 (refugee) or I-151/I-551 (Permanent Resident Alien) green card to the completed affidavit. Do not photocopy your Naturalization Certificate.

THIS FORM IS FREE; IT MAY BE REPRODUCED BY ANYONE.

Prepared by: Phanwan Lee



LSS/NORTHWEST REFUGEE PROGRAMS

American Square West
631 Center Ave., Suite 1
Moorhead, MN 56560
(218) 233-4593

LUTHERAN SOCIAL SERVICE OF MINNESOTA

December 9, 1988

LSS NORTHWEST REGION

American Square West
627 Center Avenue, Suite 3
Moorhead, MN 56560

Other Offices:

- Ada
- Alexandria
- Bemidji
- Crookston
- Fergus Falls
- Park Rapids
- Thief River Falls

Counseling Services:

Marriage, Family and
Individual Counseling

Specialized Services:

Adoption
Intensive In-Home Treatment
Refugee Resettlement
Rural Life Advocate
Senior Nutrition
Unaccompanied Minors
Waiver Services

Residential Services:

Lake Park-Wild Rice
Residential Treatment
Center for Children

Pastoral Services:

- Bemidji
- Moorhead

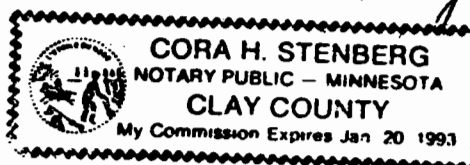
TO WHOM IT MAY CONCERN:

Nhanh Van Le became a naturalized United States citizen on June 14, 1984, in the United States District Court of Detroit Lakes, Minnesota.

Naturalization Certificate # 11863503.

Minh N. Tran
Area Coordinator
Refugee & Immigration Services
Lutheran Social Service of NW/MN

Subscribed and sworn to before me this 9th day of
December, 1988.



LSS Executive Offices
2414 Park Avenue
Minneapolis, MN 55404
(612) 871-0221
MN WATS (800) 582-5260



STAFF JUDGE ADVOCATE

700TH GROUP

CERTIFICATE OF RELEASE

No : 3839-QD

In accordance with Directive No 316/TTg dated August 22, 1977 from The Prime Minister of the Socialist Republic of Vietnam outlining policy toward soldiers, members of the former regime and members of reactionary political parties presently in re-education camps.

In accordance with the bi-ministry Defense-Internal Affairs Memorandum No 07-TT dated Dec 29, 1977 to carry out the above Directive.

Following Decision No 96-QD dated April 25, 1978 from the Minister of Internal Affairs

Certificate of release is hereby issued to :

Full name : HUYNH VINH DAU 7590-L19.T5D2
Date of birth : 1940
Place of birth : Bien-Hoa
Residence : 156/3 Vinh-Phuoc Hamlet, Tan-Ba Village, Tan-Uyen District, Song-Be
Serial number, rank : 40/219746 / 2nd Lieutenant
and position with the: Signal Officer of the 385th former regime : Regional Force Bn of Gia-Dinh

This certificate of release must be presented immediately to the People Committee and the Police of Tan-Ba Village, Tan-Uyen District, Song-Be Province.

Probation period : 6 months

April 30, 1978
700TH GROUP HEADQUARTERS
(Signed and Sealed)
LTC NGUYEN VAN BAN

CERTIFICATION OF TRANSLATOR'S COMPETENCE

I, MINH N TRAN hereby certify that the above is an accurate translation of the "Certificate of release" in Vietnamese and that I am competent in both English and Vietnamese to render such translation.

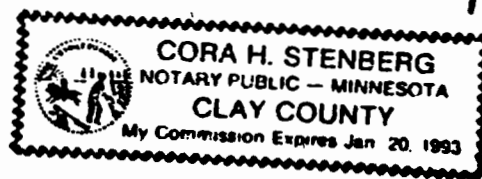
Date : Dec 10, 1988

Minh N Tran

(Signature of translator)
Area Coordinator/Translator
Lutheran Social Service of Minnesota
Refugee & Immigration Services
American Square West
631 Center Ave., Suite I
Moorhead, Minnesota 56560
Tel. : (218) 233-4593

Subscribed and sworn to before me
this 9th day of Dec., 1988

Cora H Stenberg



BỘ QUỐC PHÒNG
Cục Quân Pháp
Đoàn 700
Số: 3-039-QĐ.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY RA TRẠI

Căn cứ chỉ thị số 316/TTg ngày 22-08-1977 của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về chính sách đối với binh sĩ, nhân viên các cơ quan chính quyền của chế độ cũ và đảng phái phản động hiện đang bị tập trung cải tạo.

Căn cứ thông tư Liên Bộ Quốc phòng - Nội vụ số 101/TTg ngày 22-08-1977 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện chỉ thị số 316/TTg ngày 22-08-1977 của Thủ tướng Chính phủ.

Thị lệnh quyết định số 01-07 ngày 25-04-1978 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

CẤP GIẤY RA TRẠI

- Họ và tên: HÌNH VINH DẦU 7500-TTQ.T502

Ngày, tháng, năm sinh: 1940

Quê quán: Biển Hồ

Trú quán: 155/3 Ph. Vĩnh Phước, xã Tân Ba, Tân Uyên, S. B.

Số lính, cấp bậc, chức vụ trong bộ máy chính quyền, quân sự và các tổ chức chính trị vận động của chế độ cũ: 40/10/746-Thiện ủy
CĐ quân sự, cấp bậc: Sĩ quan, cấp bậc: Sĩ quan, cấp bậc: Sĩ quan.

- Khi về, phải trực tiếp trình ngy giấy này với Ủy Ban Nhân dân và công an xã, Phường: Tân Ba thuộc Huyện,

Quận: Tân Uyên Thị, Thành phố: Sông Hồ

và phải tuân theo các quy định của Ủy Ban Nhân dân Tỉnh, Thành phố về việc quản chế, về nơi cư trú và các mặt quản lý khác:

- Thời hạn quản chế: 3/12 tháng

- Thời hạn đi đường: ngày (kể từ ngày ký giấy ra trại).

- Tiền và lương thực đi đường để tập:

Ngày 25 tháng 04 năm 1978

THỦ LƯU ĐOÀN 700



Trung tá: NGUYỄN VĂN BÀN

Công an xã Thái Hòa
Xét nhận DS có đủ trình giấy
ngày 14.05.78
Ủy ban Học tập Công tác và Nhà trường
quản lý xã sẽ thông báo trình
giấy mặt lại tại Công an xã Thái Hòa



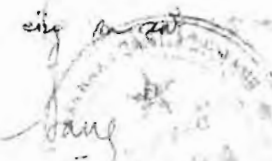
Công an xã Thái Hòa
Xét nhận : DS có đủ
trình diện ngày 15/9/78.
Thái Hòa 15/9/78.
TLC Công an xã



Công an xã nhận DS
trình diện

Thái Hòa 14-6-78

TLC Công an xã



Ủy ban nhân dân xã

Xét nhận DS có đủ

ngày 13-07-78



20-11-78

Thái Hòa



Xét nhận DS có đủ
trình diện ngày 15/8/78

Thái Hòa



Ủy ban nhân dân xã



Thái Hòa



ngày 24/11/78



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
RÉPUBLIQUE SOCIALISTE DU VIET NAM

HỘ CHIẾU
Passeport

Số
N^o 29450/90-ĐC,

Hộ chiếu này gồm 16 trang
Ce passeport contient 16 pages

Họ tên.....**TRẦN THỊ HUỆ**.....

Nom et prénom

Ngày sinh.....**1950**.....

Date de naissance

Nơi sinh.....**Tp. Hồ Chí Minh**.....

Lieu de naissance

Chỗ ở.....**Sông Bé**.....

Domicile

Quốc tịch.....**Việt Nam**.....

Nationalité

Nghề nghiệp.....**/**.....

Profession

Nhân dạng.....**Chiều cao**.....

Signalement

Taille

Màu mắt.....

Couleur des yeux

Vết tích đặc biệt.....

Signes particuliers

Ảnh của người mang hộ chiếu

Photographie du titulaire



Chữ ký

Signature

Hộ chiếu này có giá trị đi đến

Ce passeport est valable pour se rendre

TẤT CẢ CÁC NƯỚC

À TOUS PAYS

và hết hạn ngày 01. 6. 1995

IL expire le

trừ khi được gia hạn.

sauf en cas de renouvellement

Cấp tại Hà Nội ngày 01 tháng 6 năm 1990

Fait à le

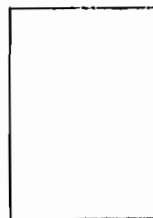


-4- Trần Văn

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
ENFANTS ACCOMPAGNANT LE TITULAIRE DU PASSEPORT

Họ và tên <i>Nom et prénoms</i>	Ngày sinh <i>Date de naissance</i>
1	
2	
3	

Ảnh của trẻ em
Photographies des enfants



THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số 29450 XC

Cấp cho Bà Trần Thị Huệ

Cùng với trẻ em

Đến nước HỢP CHUNG QUỐC HOA KỲ

Quốc gia khác Tân Sơn Nhất

Tức ngày 01. 12. 1990

Hở nội, ngày 01 tháng 6 năm 1990

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
RÉPUBLIQUE SOCIALISTE DU VIET NAM

HỘ CHIẾU
Passeport

Số
Nº

29438/90 AC

Hộ chiếu này gồm 16 trang
Ce passeport contient 16 pages

Họ tên HUYNH VINH DẬU

Nom et prénoms

Ngày sinh 1946

Date de naissance

Nơi sinh Đông Nai

Lieu de naissance

Chỗ ở Sông Bé

Domicile

Quốc tịch Việt Nam

Nationalité

Nghề nghiệp /

Profession

Nhận dạng Chiều cao

Signalement

Taille

Màu mắt

Couleur des yeux

Vết tích đặc biệt

Signes particuliers

Ảnh của người mang hộ chiếu

Photographie du titulaire



...

Chữ ký

Signature

Hộ chiếu này có giá trị đi đến.....

Ce passeport est valable pour se rendre

TẤT CẢ CÁC NƯỚC

A TOUS PAYS

và hết hạn ngày 01. 6. 1995

IL expire le

trừ khi được gia hạn.

sauf en cas de renouvellement

Cấp tại Hà Nội ngày 01 tháng 6 năm 1990

Fait à le

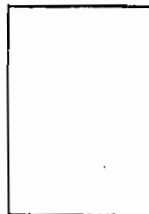
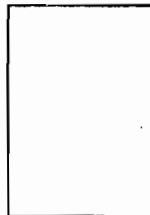


- 4 - Triệu Hải

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
ENFANTS ACCOMPAGNANT LE TITULAIRE DU PASSEPORT

Họ và tên <i>Nom et prénoms</i>	Ngày sinh <i>Datede naissance</i>
1 Huyền Nhi Thị Ngọc Thảo	1984
2	
3	

Ảnh của trẻ em
Photographies des enfants



THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số 29438 XC

Cấp cho Ông Huỳnh Vĩnh Dân

Công với một trẻ em

Đến nước HỢP CHUNG QUỐC HOA KỲ

Quê hương Tân Sơn Nhất

Trước ngày 01 - 12 - 1990

Hà Nội, ngày 1 tháng 6 năm 1990

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

RÉPUBLIQUE SOCIALISTE DU VIET NAM

HỘ CHIẾU

Passeport

Số
Nº

29852/90-AC₁

Hộ chiếu này gồm 16 trang
Ce passeport contient 16 pages

Họ tên HUYNH TRUNG HAU

Nom et prénoms

Ngày sinh 1972

Date de naissance

Nơi sinh Đông Nai

Lieu de naissance

Chỗ ở Lông Be

Domicile

Quốc tịch Việt Nam

Nationalité

Nghề nghiệp /

Profession

Nhận dạng

Signalement

Chiều cao

Taille

Màu mắt

Couleur des yeux

Vết tích đặc biệt

Signes particuliers

Ảnh của người mang hộ chiếu

Photographie du titulaire



Chữ ký

Signature

Hộ chiếu này có giá trị đi đến.....

Ce passeport est valable pour se rendre

TẤT CẢ CÁC NƯỚC

À TOUS PAYS

và hết hạn ngày 01. 6. 1995

IL expire le

trừ khi được gia hạn

sauf en cas de renouvellement

Cấp tại Hà Nội ngày 01 tháng 6 năm 1990

Fait à le

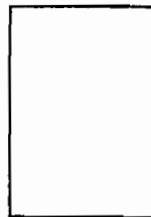


Trần Văn

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
ENFANTS ACCOMPAGNANT LE TITULAIRE DU PASSEPORT

Họ và tên <i>Nom et prénoms</i>	Ngày sinh <i>Date de naissance</i>
1.....	
2.....	
3.....	

Ảnh của trẻ em
Photographies des enfants



BỊ CHỮ — NOTES

THỊ THỰC — VISAS

THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số 29452 XC

Cấp cho

Huỳnh Trung Hậu

Công với

trẻ em

Đến nay

HỢP CHÚNG QUỐC HOA KỲ

Quốc tịch

Tân Sơn Nhứt

Trước đây

21. 12. 1990

hở lại, ngày 1 tháng 6 năm 1990

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

phòng





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
RÉPUBLIQUE SOCIALISTE DU VIET NAM

HỘ CHIẾU
Passeport

Số

Nº

29454/90-0C1

Hộ chiếu này gồm 16 trang
Ce passeport contient 16 pages

Họ tên HUYNH VINH HIỆP
Nom et prénoms

Ngày sinh 1974
Date de naissance

Nơi sinh Đông Nai
Lieu de naissance

Chỗ ở Lông Be'
Domicile

Quốc tịch Việt Nam
Nationalité

Nghề nghiệp /
Profession

Nhận dạng
Signalement

Chiều cao
Taille

Màu mắt
Couleur des yeux

Vết tích đặc biệt
Signes particuliers

Ảnh của người mang hộ chiếu
Photographie du titulaire



Chữ ký
Signature

Hộ chiếu này có giá trị đi đến.....

Ce passeport est valable pour se rendre

TẤT CẢ CÁC NƯỚC

À TOUS PAYS

và hết hạn ngày 01. 6. 1995

IL expire le

trừ khi được gia hạn.

sauf en cas de renouvellement

Cấp tại Hà Nội ngày 01 tháng 6 năm 1990

Fait à le

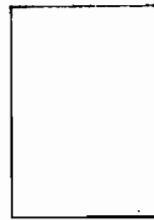
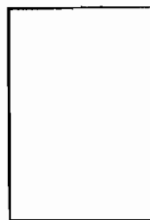
CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH



TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
ENFANTS ACCOMPAGNANT LE TITULAIRE DU PASSEPORT

Họ và tên <i>Nom et prénoms</i>	Ngày sinh <i>Date de naissance</i>
1	
2	
3	

Ảnh của trẻ em
Photographies des enfants



BỊ CHỦ — NOTES

THỊ THỰC — VISAS

THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số 29454 XC

Cấp cho Thủy Vĩnh Hiệp

Công với thẻ an

Đến nước HỢP CHUNG QUỐC HOA KỲ

Qua cửa khẩu Tân Sơn Nhất

Trước ngày 01. 12. 1990

Hồi nội, ngày 1 tháng 6 năm 1990

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng



Tôn Đức Hiền



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

RÉPUBLIQUE SOCIALISTE DU VIET NAM

HỘ CHIẾU

Passeport

Số
N° 29456/90-ĐC,

Hộ chiếu này gồm 16 trang
Ce passeport contient 16 pages

Họ tên..... **HUYNH THANH TIN**

Nom et prénoms

Ngày sinh..... **1976**

Date de naissance

Nơi sinh..... **Sông Bé**

Lieu de naissance

Chỗ ở..... **Sông Bé**

Domicile

Quốc tịch..... **Việt Nam**

Nationalité

Nghề nghiệp..... **/**

Profession

Nhân dạng.....

Signalement

Chiều cao.....

Taille

Màu mắt.....

Couleur des yeux

Vết tích đặc biệt.....

Signes particuliers

Ảnh của người mang hộ chiếu

Photographie du titulaire



Chữ ký.....

Signature

Hộ chiếu này có giá trị đi đến.....

Ce passeport est valable pour se rendre

TẤT CẢ CÁC NƯỚC

À TOUS PAYS

và hết hạn ngày 01. 6. 1995

IL expire le

trừ khi được gia hạn
sauf en cas de renouvellement

Cấp tại Hà Nội ngày 01 tháng 6 năm 1990

Fait à

le

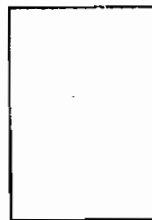


Trần Văn

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
ENFANTS ACCOMPAGNANT LE TITULAIRE DU PASSEPORT

Họ và tên <i>Nom et prénoms</i>	Ngày sinh <i>Date de naissance</i>
1	
2	
3	

Ảnh của trẻ em
Photographies des enfants



BỊ CHỮ — NOTES

THỊ THỰC — VISAS

THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số 29456 XC

Cấp cho Nguyễn Thanh Tín

Công việc Đi làm

Đến nước HỢP CHUNG QUỐC HOA KỲ

Cục quản lý Tân Sơn Nhất

Thời hạn 01.12.1990

Hà Nội, ngày 1 tháng 6 năm 1990

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH



Thị thực

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 280322843

Họ tên HUỲNH-VĨNH-DẬU



Sinh ngày 1940

Nguyên quán Thái-Hòa

Tân-Uyên Sông-Bé

Nơi thường trú Thái-Hòa

Tân-Uyên Sông-Bé

Dân tộc:

Kinh

Tôn giáo:

Không

ĐẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

NGON TRỎ TRAI

Sẹo thẳng 1,8cm x 2cm
trên trước đuôi mắt
trái

Ngày 08 tháng 08 năm 1980

NGON TRỎ PHẢI

TUỔI/GIAO ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN
TRƯỞNG PHÒNG CSI

Nguyễn Minh Đức

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 280271466

Họ tên TRẦN THỊ HUỆ

Sinh ngày 1950

Nguyên quán Thái Hòa

Tân Uyên, Sông Bé

Nơi thường trú Thái Hòa

Tân Uyên, Sông Bé



Dân tộc: Minh

Tôn giáo: Không

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

NGÓN TRỎ TRÁI

Số chạm Cầm trên
sân cùn. Mũi phải.

NGÓN TRỎ PHẢI

Ngày 24 tháng 10 năm 1979

KI/GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN

THỦ TRƯỞNG TY

Phạm Văn H

Trần Đức Kiên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 280478317

Họ tên HUỲNH TRUNG HẬU



Sinh ngày 1972

Nguyên quán Thái Hòa

Tân Uyên-sông Bé

Nơi thường trú Thái Hòa

Tân Uyên-sông Bé

Dân tộc: **Kinh**

Tôn giáo: **Không**

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

NGÓN TRỎ TRÁI

Sẹo nhâm CO, 9cm trước
dấu máy phải

Ngày **17** tháng **02** năm **1987**

KT/GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN

NGÓN TRỎ PHẢI

Võ Sỹ Lâm

Công an

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

*

GIẤY BIÊN NHẬN

Số

28055

Họ tên

Nguyễn Văn Hiệp

Tên thường gọi

Nơi thường trú

Chợ Trời
Tân Lập

Dân tộc riêng loại di lãnh

Đã làm thủ tục xin cấp giấy chứng minh nhân dân
tại:

Hết đến ngày 19 trả giấy CMND

Ngày 21/11/19

(Ghi rõ họ, tên người ký)

Nghị trở lại

From: Huỳnh Vĩnh - DẤU
0575c Ấp Tân Mỹ
Xã Tân Hòa,
Huyện Tân Uyên
Tỉnh Sông Bé

R. 150



JUN 27 1990

MAY BAY
PAR AVION

TO: MRS Khúc - Minh - THO

PO Box 5435

ARLINGTON.

VA 22205 - 0635

U.S.A

100g = 25650